



ISPAAE

Số Tháng 4/2026

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH
XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN**

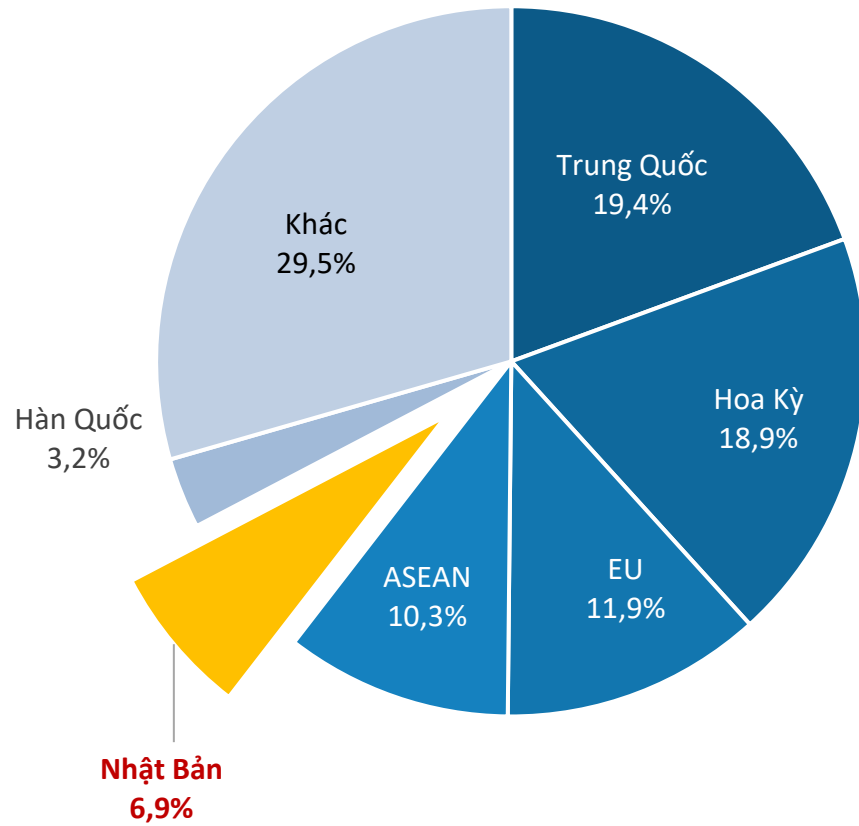
THỊ TRƯỜNG NHẬT BẢN

Thực hiện: **AGREINFOS**



TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG NHẬT BẢN THÁNG 03/2026

Tỷ trọng xuất khẩu NLTS Việt Nam - Nhật Bản, T3/2026



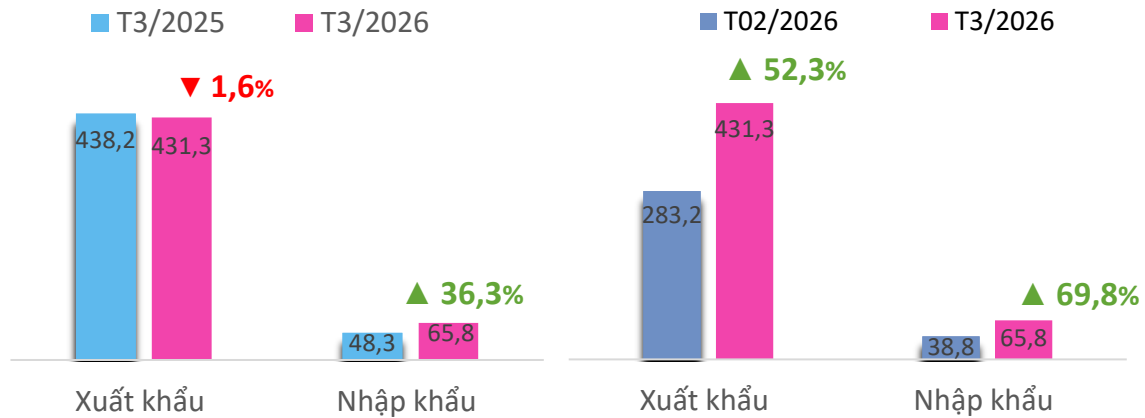
Biến động tỷ trọng xuất khẩu NLTS sang thị trường Nhật Bản, T3/2026 so với T02/2026 và T3/2025

Thị trường	Giá trị (triệu USD)	So với T02/2026	So với T3/2025
Trung Quốc	1.221	▼ 1,4%	▲ 2,7%
Hoa Kỳ	1.188	▲ 1,3%	▼ 2,0%
EU	748	▼ 1,6%	▼ 0,7%
ASEAN	649	▼ 0,1%	▲ 0,9%
Nhật Bản	431	▼ 0,1%	▼ 0,3%
Hàn Quốc	203	▲ 0,4%	▼ 0,2%
Tổng XK	6.296		

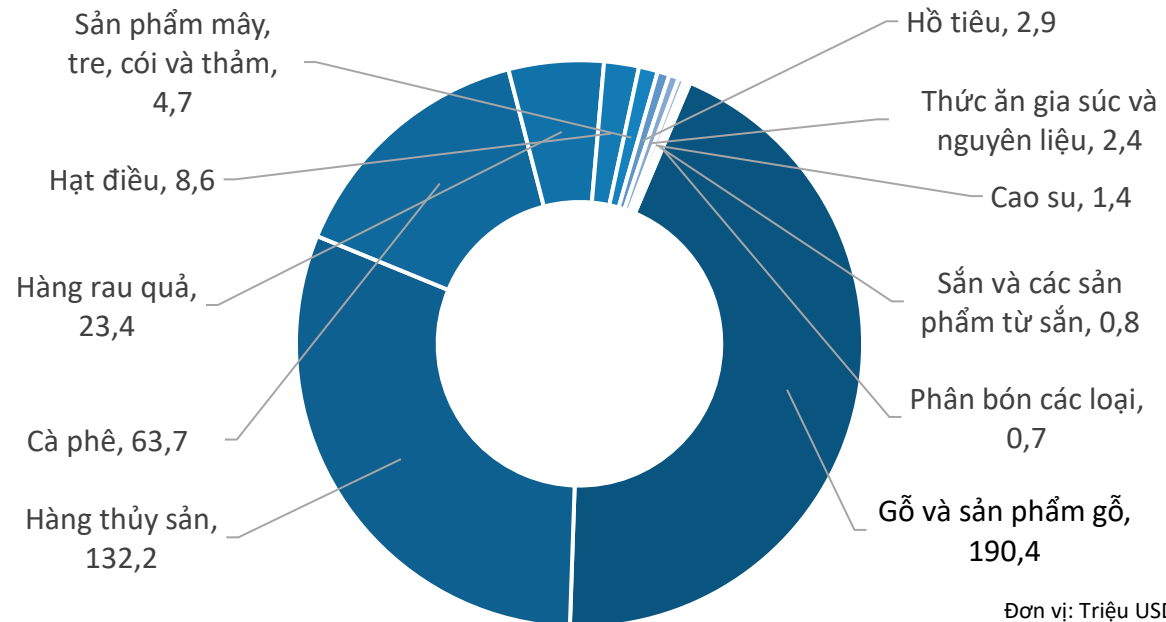
TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG NHẬT BẢN THÁNG 03/2026

Kim ngạch xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam - Nhật Bản, T3/2026

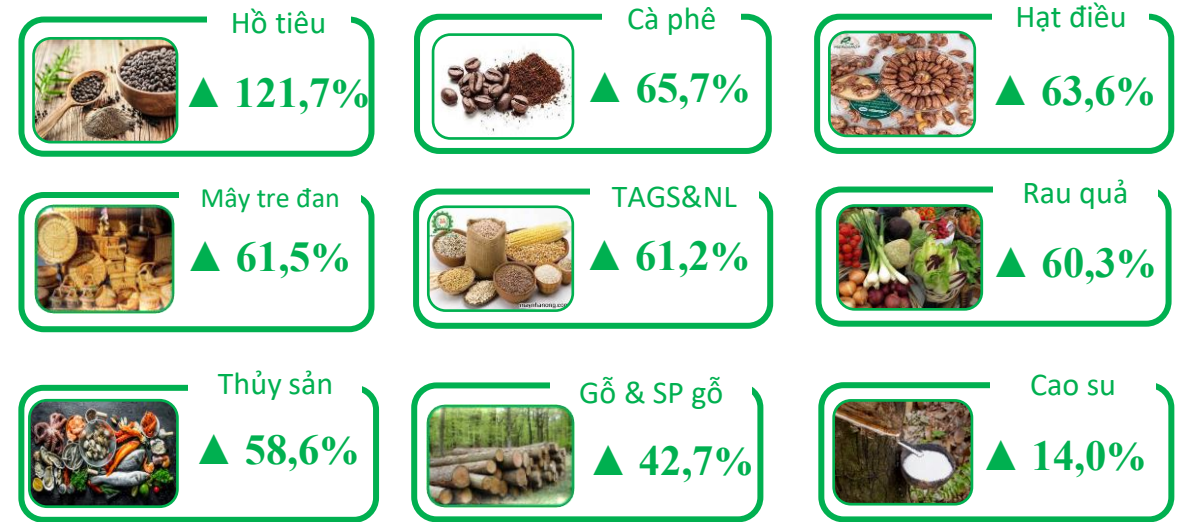
Đơn vị: Triệu USD



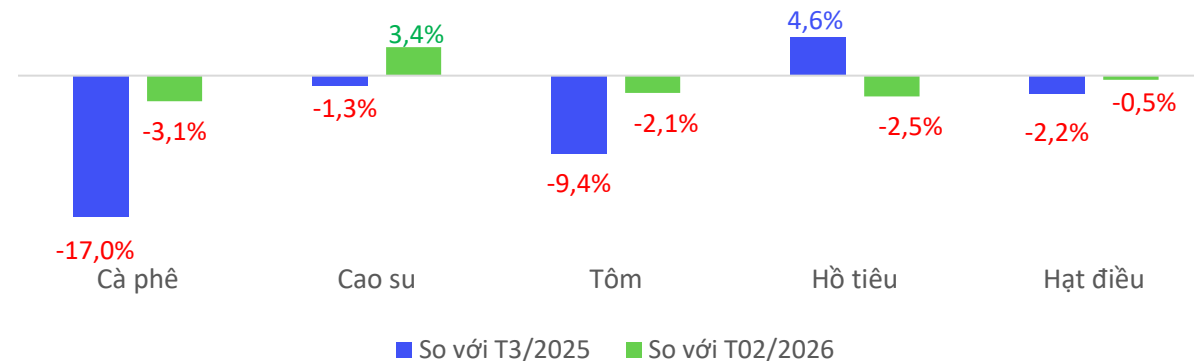
Kim ngạch xuất khẩu NLTS chính Việt Nam sang Nhật Bản, T3/2026



Biến động giá trị XK NLTS chính sang thị trường Nhật Bản, T3/2026 so với T02/2026



Biến động giá XK bình quân của một số sản phẩm NLTS chính sang thị trường Nhật Bản, T3/2026 so với tháng trước và cùng kỳ 2025



Việt Nam và Nhật Bản thúc đẩy hợp tác chiến lược toàn diện

Ngày 02/5, tại Hà Nội, lãnh đạo cấp cao Việt Nam và Nhật Bản đã chứng kiến lễ trao đổi các văn kiện hợp tác.

Hai nước đã thống nhất nhiều nội dung hợp tác quan trọng, bao gồm việc triển khai các thỏa thuận vừa được ký kết và xác lập các hướng ưu tiên trong các lĩnh vực như khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và bảo đảm an ninh kinh tế.

Về kinh tế, hai bên cùng thúc đẩy tăng cường liên kết thương mại, đầu tư và nguồn vốn ODA, hướng tới các mục tiêu tăng trưởng dài hạn, đồng thời mở rộng cơ hội tiếp cận thị trường cho một số mặt hàng nông sản chủ lực.

Việt Nam và Nhật Bản cũng nhất trí đẩy mạnh phối hợp tại các cơ chế hợp tác khu vực và quốc tế, qua đó đóng góp vào việc củng cố hòa bình, ổn định và phát triển bền vững trong khu vực.



Nguồn: vietnamplus.vn

Nhật Bản giữ nguyên lãi suất

Ngân hàng trung ương Nhật Bản (BoJ) ngày 28/4 quyết định giữ nguyên lãi suất cơ bản ở mức 0,75%, khi những bất ổn từ cuộc xung đột tại Trung Đông và tình trạng giá năng lượng leo thang đang ảnh hưởng đến triển vọng kinh tế nước này.

BoJ cũng điều chỉnh dự báo kinh tế theo hướng thận trọng hơn khi nâng dự báo lạm phát lên 2,8% nhưng hạ dự báo tăng

trưởng xuống còn 0,5%.

Ngay sau thông báo của BoJ, đồng Yen tăng nhẹ nhưng vẫn ở mức yếu, tiệm cận ngưỡng yêu cầu Chính phủ can thiệp. Trong khi đó, thị trường lao động ghi nhận tín hiệu trái chiều với tỷ lệ thất nghiệp tăng nhẹ lên 2,6% nhưng số người có việc làm đạt mức cao kỷ lục.



Nguồn: vietnamplus.vn

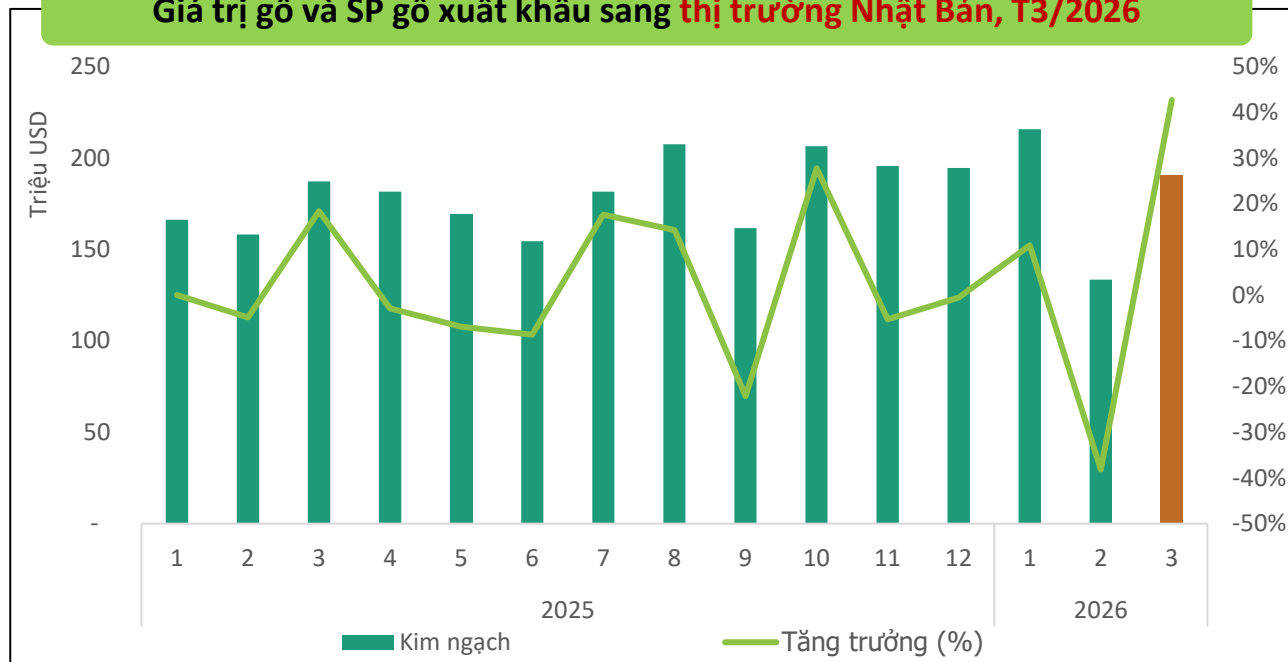


Tin liên quan



GỖ VÀ SP GỖ

Giá trị gỗ và SP gỗ xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T3/2026



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường Nhật Bản, T3/2026

KIM NGẠCH



190

triệu USD

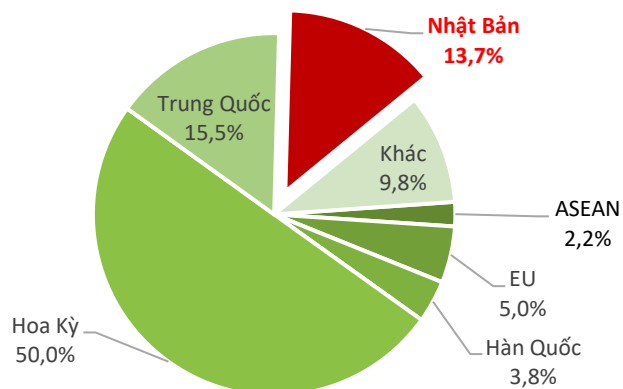
➔ Tăng **42,7%** so với T2/2026

➔ Tăng **1,7%** so với T3/2025

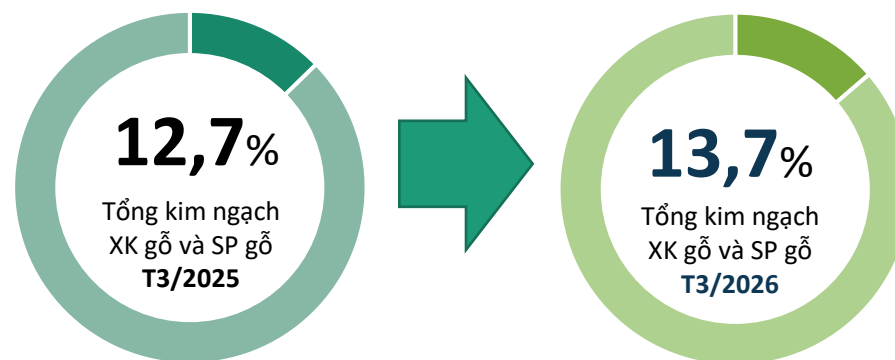
➔ Cao hơn **10,0 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 3 tháng đầu năm 2026 đạt **540,0** triệu USD, đạt **24,9%** kim ngạch năm 2025

Tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ VN sang thị trường Nhật Bản, T3/2026



Biến động tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ VN sang thị trường Nhật Bản, T3/2026





GỖ VÀ SP GỖ

Cơ cấu chủng loại gỗ và SP gỗ XK sang thị trường Nhật Bản, T3/2026



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường Nhật Bản, T3/2026



Dăm gỗ

Kim ngạch: **132,1** triệu USD

Tăng **48%** so với T2/2026

Tăng **1%** so với T3/2025



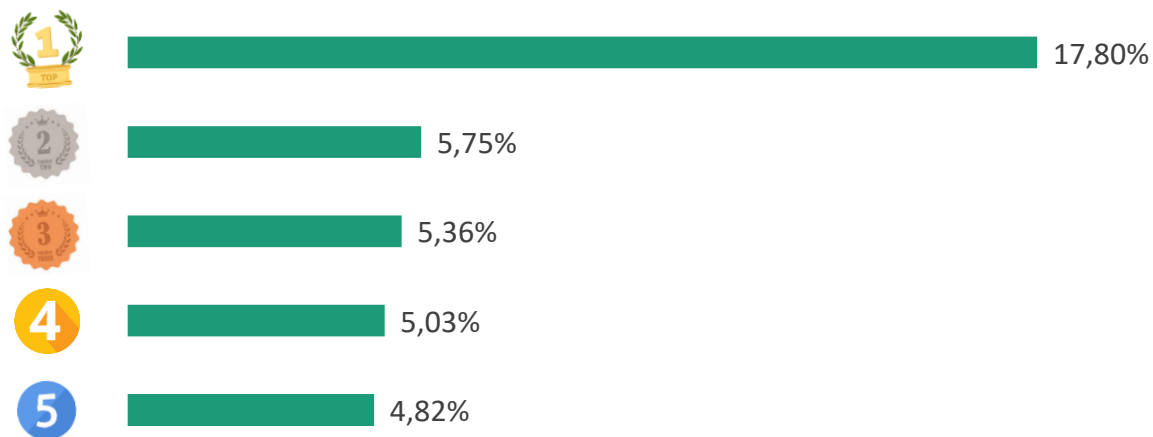
Gỗ dán

Kim ngạch: **8,9** triệu USD

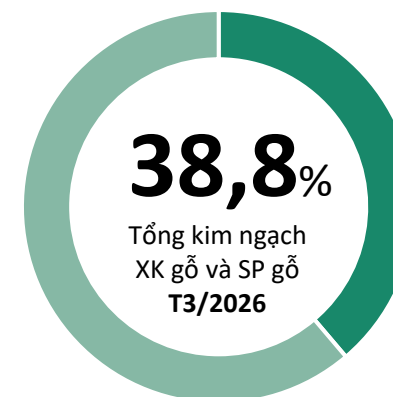
Tăng **57%** so với T2/2026

Tăng **65%** so với T3/2025

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Nhật Bản, T3/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường Nhật Bản, T3/2026





GỖ VÀ SP GỖ

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SP GỖ NHẬT BẢN



Nhật Bản đang đẩy mạnh mở rộng thị trường xuất khẩu gỗ sang Australia nhằm đa dạng hóa thị trường, đặc biệt là gỗ tuyết tùng Nhật Bản (sugi) và gỗ bách Nhật Bản (hinoki). Trước thềm hội nghị thượng đỉnh với Australia, Thủ tướng Nhật Bản Takaichi Sanae đã đưa lâm nghiệp vào nhóm 4 lĩnh vực xuất khẩu ưu tiên cùng với nông sản, thủy sản và thực phẩm.

Nhật Bản có khoảng 4,4 triệu ha rừng trồng gỗ tuyết tùng và 2,6 triệu ha rừng trồng gỗ bách, trong bối cảnh tỷ lệ tự chủ gỗ đã tăng từ 18,8% năm 2002 lên 40,7% năm 2022. Nhật Bản hiện đã xuất khẩu gỗ sang Trung Quốc, Philippines, Hàn Quốc và Đài Loan, đồng thời tiếp tục mở thêm các thị trường như Australia và Hoa Kỳ. Đáng chú ý, gỗ bách loại 2x4 đã được chứng nhận tiêu chuẩn tại Hoa Kỳ từ 04/2024, còn gỗ sugi đạt chứng nhận tương tự từ 04/2025, tạo điều kiện để gỗ mềm Nhật Bản thâm nhập sâu hơn vào các thị trường nước ngoài.

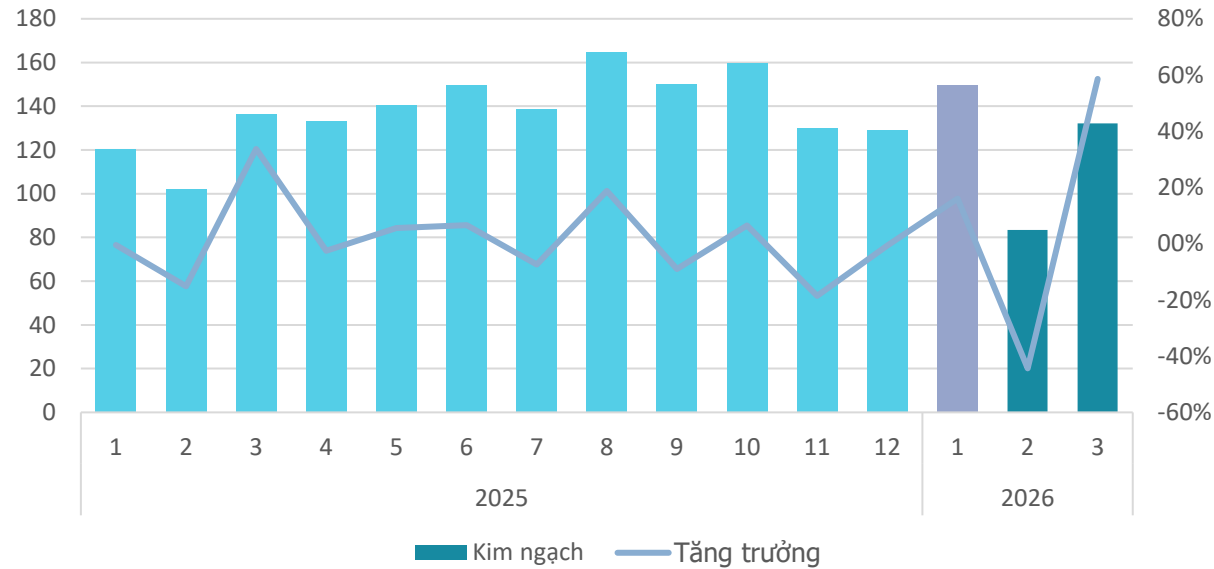


TIN LIÊN QUAN



THỦY SẢN

Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Nhật Bản, T3/2026



Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Nhật Bản, T3/2026

KIM NGẠCH

132,2 triệu USD



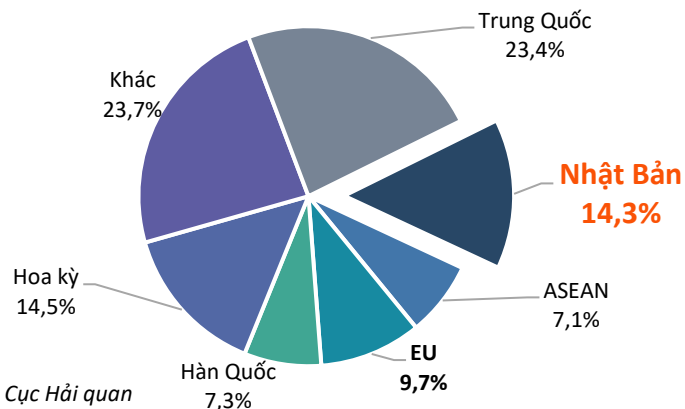
↗ Tăng **58,6%** so với T2/2026

↘ Giảm **3,2%** so với T3/2025

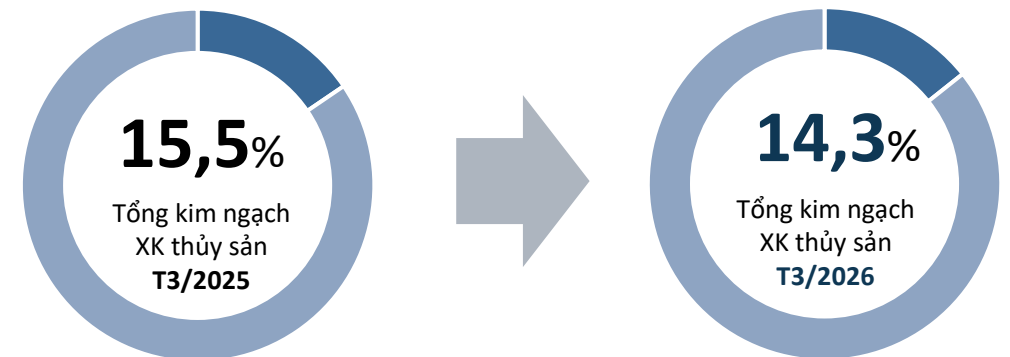
▼ Thấp hơn **8,0** triệu USD so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 3 tháng 2026 đạt **365,4** triệu USD, Đạt **21,7%** kim ngạch 2025

Tỷ trọng giá trị thủy sản Việt Nam sang thị trường Nhật Bản, T3/2026



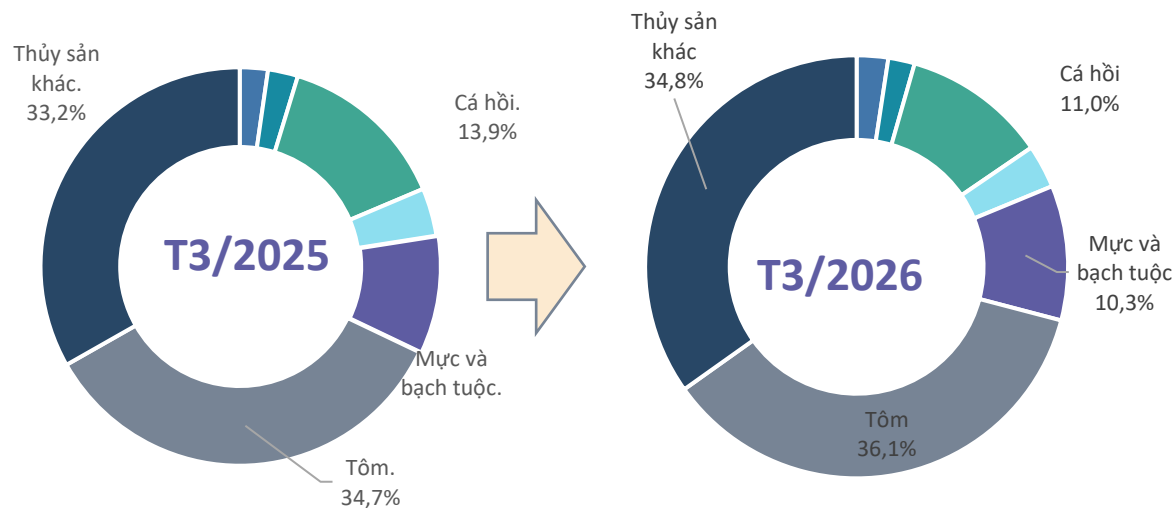
Biến động tỷ trọng giá trị thủy sản sang thị trường Nhật Bản, T3/2026





THỦY SẢN

Cơ cấu chủng loại thủy sản xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T3/2026



Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Nhật Bản, T3/2026



Cá hồi

Kim ngạch: **14,5** Triệu USD
 Tăng **53,4%** so với T2/2026
 Giảm **23,7%** so với T3/2025



Tôm

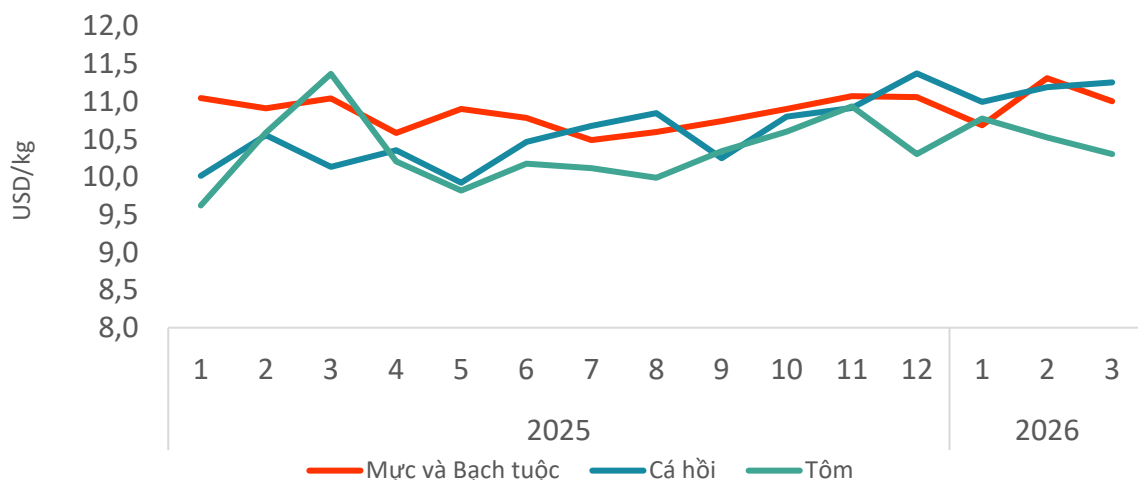
Kim ngạch: **47,5** Triệu USD
 Tăng **86,0%** so với T2/2026
 Tăng **3,4%** so với T3/2025



Mực và bạch tuộc

Kim ngạch: **13,6** Triệu USD
 Tăng **48,5%** so với T2/2026
 Tăng **3,6%** so với T3/2025

Giá thủy sản xuất khẩu bình quân sang thị trường Nhật Bản, T3/2026



Mực và Bạch tuộc

Giá xuất khẩu bình quân trong T3/2026 ở mức **11,0** USD/kg; **giảm 2,7%** so với tháng trước; và **giảm 0,4%** so với cùng kỳ năm 2025.

Cá hồi

Giá xuất khẩu bình quân trong T3/2026 ở mức **11,3** USD/kg; **tăng 0,5%** so với tháng trước; và **tăng 11,1%** so với cùng kỳ năm 2025.

Tôm

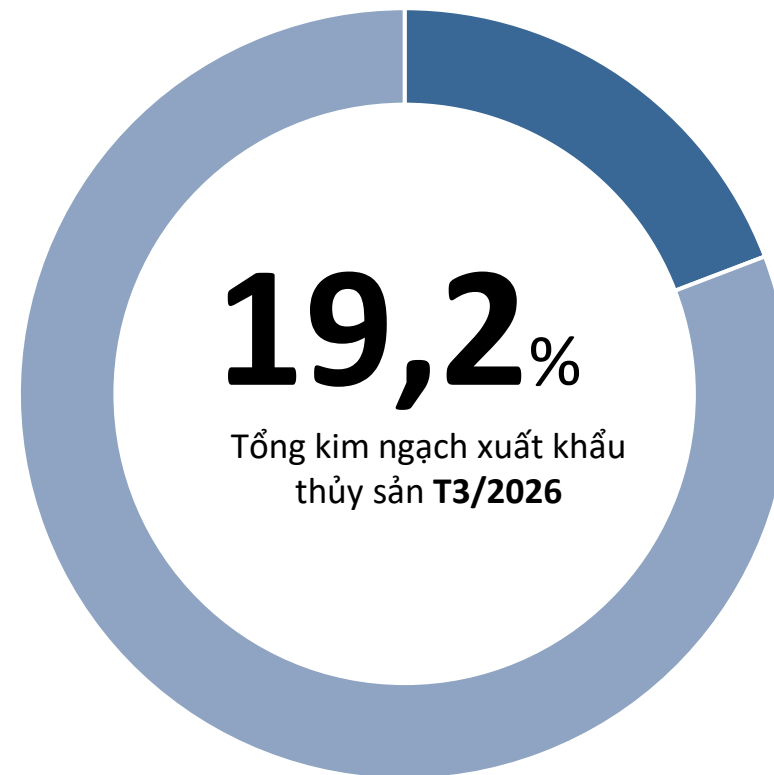
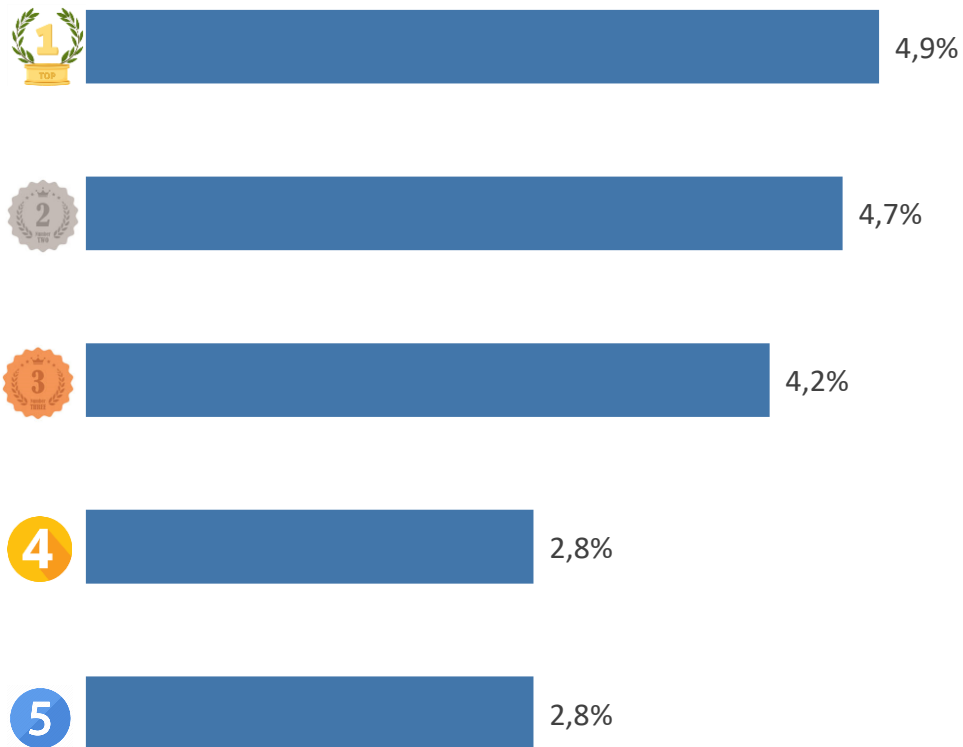
Giá xuất khẩu bình quân trong T3/2026 ở mức **10,3** USD/kg; **giảm 2,1%** so với tháng trước; và **giảm 9,4%** so với cùng kỳ năm 2025.



THỦY SẢN

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Nhật Bản, T3/2026

Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường Nhật Bản, T3/2026



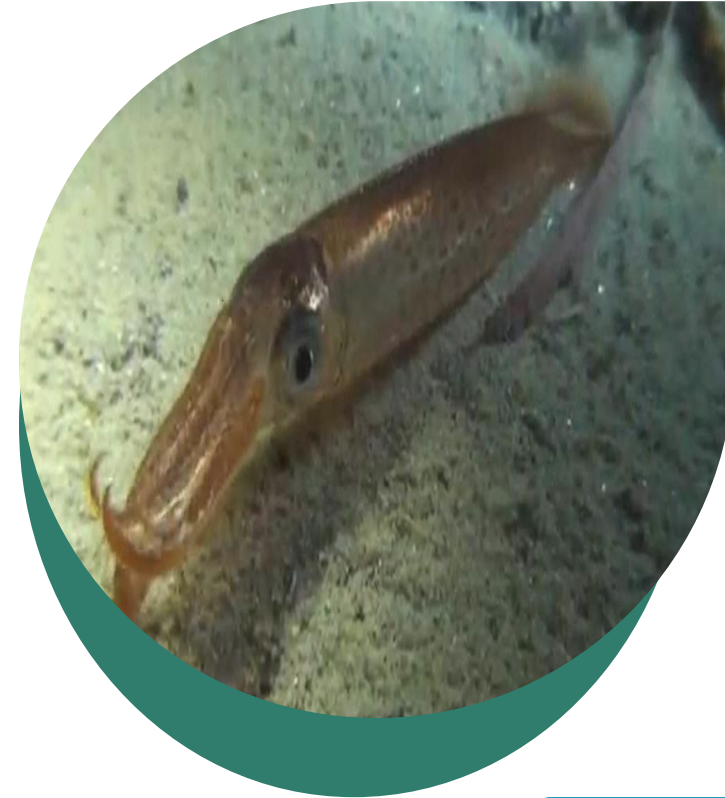
Nhật Bản trở thành thị trường tiềm năng của tôm của Ecuador

Ecuador đang đẩy mạnh chiến lược đa dạng hóa thị trường, trong đó Nhật Bản được xem là một điểm đến nhiều tiềm năng. Năm 2025, Ecuador xuất khẩu khoảng 3,07 tỷ pound tôm, tăng 15,1% so với năm trước. Riêng tại Nhật Bản, xuất khẩu tôm Ecuador đạt 41,8 triệu pound, tương đương 124 triệu USD, tăng 35,6% về khối lượng và 48,6% về giá trị. Nhật Bản hiện mới chiếm khoảng 1,4% tổng kim ngạch xuất khẩu tôm của Ecuador, cho thấy còn nhiều dư địa mở rộng.

Ba thị trường lớn nhất của tôm Ecuador vẫn là Trung Quốc, EU và Hoa Kỳ, chiếm hơn 90% tổng xuất khẩu. Tuy nhiên, Ecuador ngày càng chú trọng các thị trường ngoài “top 3”, đặc biệt là Nhật Bản, Anh, Nga, Trung Đông và Hàn Quốc. Với Nhật Bản, Ecuador đang tăng cường xúc tiến thương mại, tham gia hội chợ và mở rộng thị trường nhằm từng bước nâng thị phần.

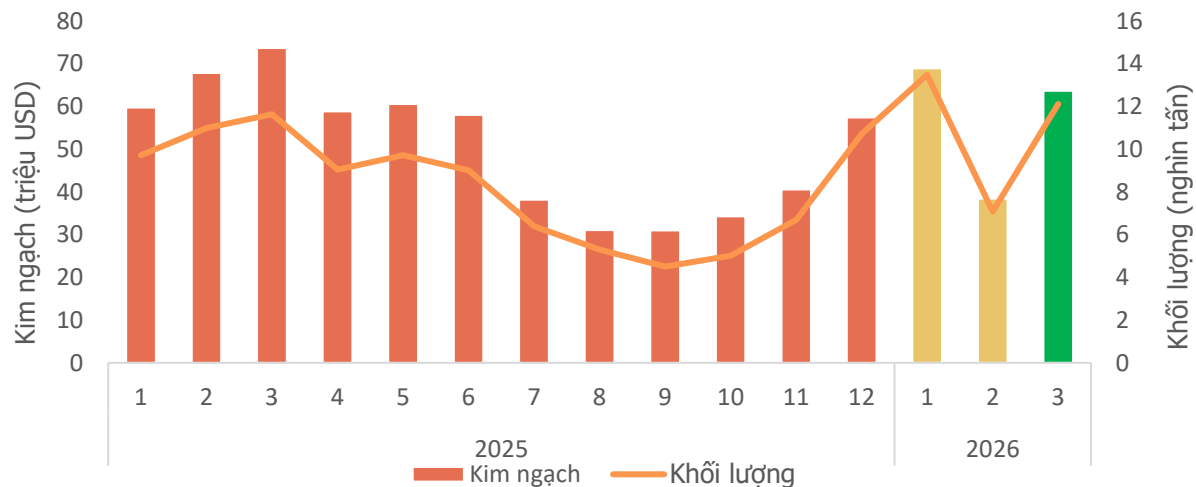
Đối với doanh nghiệp tôm Việt Nam, sự gia tăng hiện diện của Ecuador tại Nhật Bản là tín hiệu cần theo dõi sát. Nhật Bản vốn là thị trường quan trọng của tôm chế biến và sản phẩm giá trị gia tăng Việt Nam, trong khi Ecuador có lợi thế lớn về quy mô sản xuất, sản lượng ổn định và giá cạnh tranh. Vì vậy, doanh nghiệp Việt Nam cần tiếp tục củng cố lợi thế ở các dòng sản phẩm chế biến sâu, tiện lợi, kiểm soát chất lượng ổn định, truy xuất nguồn gốc và đáp ứng chặt chẽ tiêu chuẩn của nhà nhập khẩu Nhật Bản để giữ vững vị thế trong bối cảnh cạnh tranh nguồn cung ngày càng tăng.

Nguồn: Vasep



CÀ PHÊ

Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T3/2026



Kết quả xuất khẩu cà phê sang thị trường Nhật Bản, T3/2026

KIM NGẠCH

63,7 triệu USD

↗ Tăng **65,7%** so với T2/2026

↘ Giảm **13,5%** so với T3/2025

↗ Cao hơn **12,7** triệu USD so với bình quân theo tháng năm 2025.

❖ Giá trị xuất khẩu 3 tháng năm 2026 đạt **171** tr.USD, đạt **28%** kim ngạch 2025.

KHỐI LƯỢNG

12,1 nghìn tấn

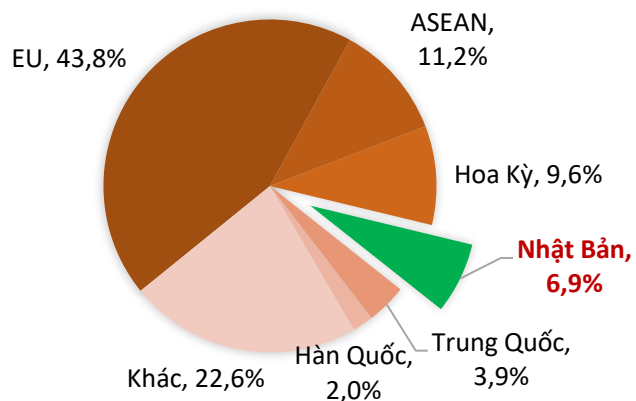
↗ Tăng **71%** so với T2/2026

↗ Tăng **4,1%** so với T3/2025

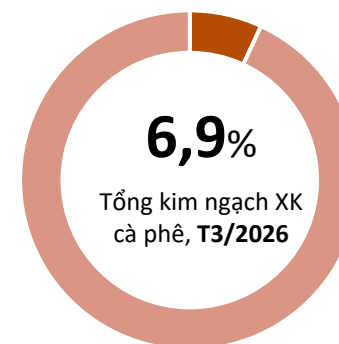
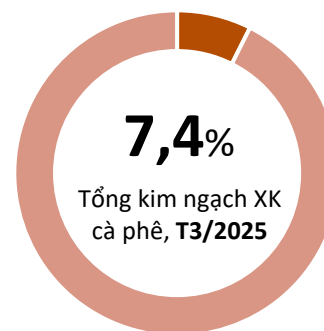
↗ Cao hơn **3,9** nghìn tấn so với bình quân theo tháng năm 2025.

❖ Khối lượng xuất khẩu 3 tháng năm 2026 đạt **32,7** nghìn tấn, đạt **33,1%** khối lượng năm 2025.

Tỷ trọng giá trị cà phê Việt Nam sang thị trường Nhật Bản, T3/2026

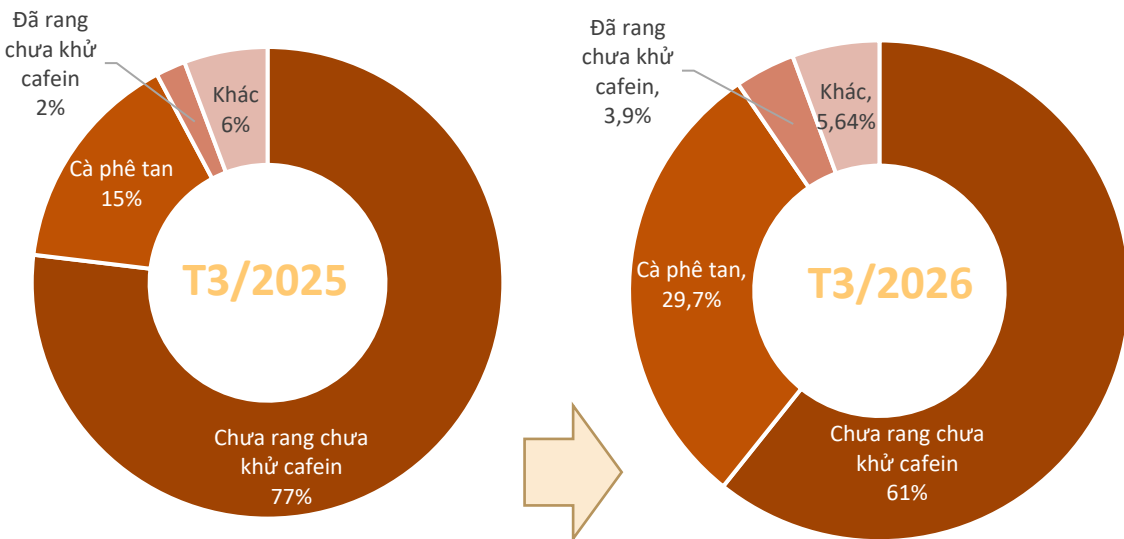


Biến động tỷ trọng giá trị cà phê XK sang thị trường Nhật Bản, T3/2026

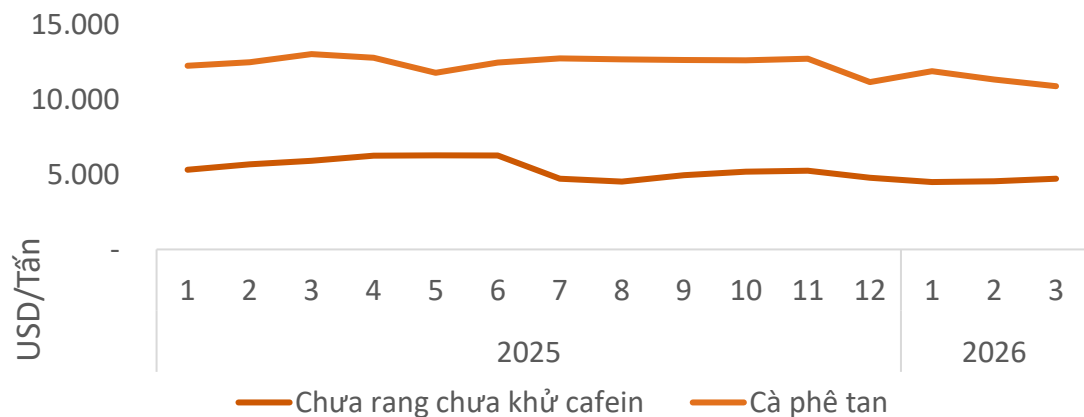


CÀ PHÊ

Cơ cấu chủng loại cà phê xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T3/2026



Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Nhật Bản, T3/2026



Kết quả xuất khẩu cà phê sang thị trường Nhật Bản, T3/2026



Chưa rang chưa khử cafein

Kim ngạch: **34,8** Triệu USD
 Tăng **61,1%** so với T2/2026
 Giảm **32,1%** so với T3/2025



Cà phê tan

Kim ngạch: **18,8** Triệu USD
 Tăng **77,6%** so với T2/2026
 Tăng **66,6%** so với T3/2025



Đã rang chưa khử cafein

Kim ngạch: **2,5** Triệu USD
 Tăng **49,9%** so với T2/2026
 Tăng **64,6%** so với T3/2025

Cà phê tan

Giá xuất khẩu bình quân trong T3/2026 ở mức **10.898** USD/tấn, giảm **3,9%** so với tháng trước, và giảm **16,4%** so với cùng kỳ năm 2025.

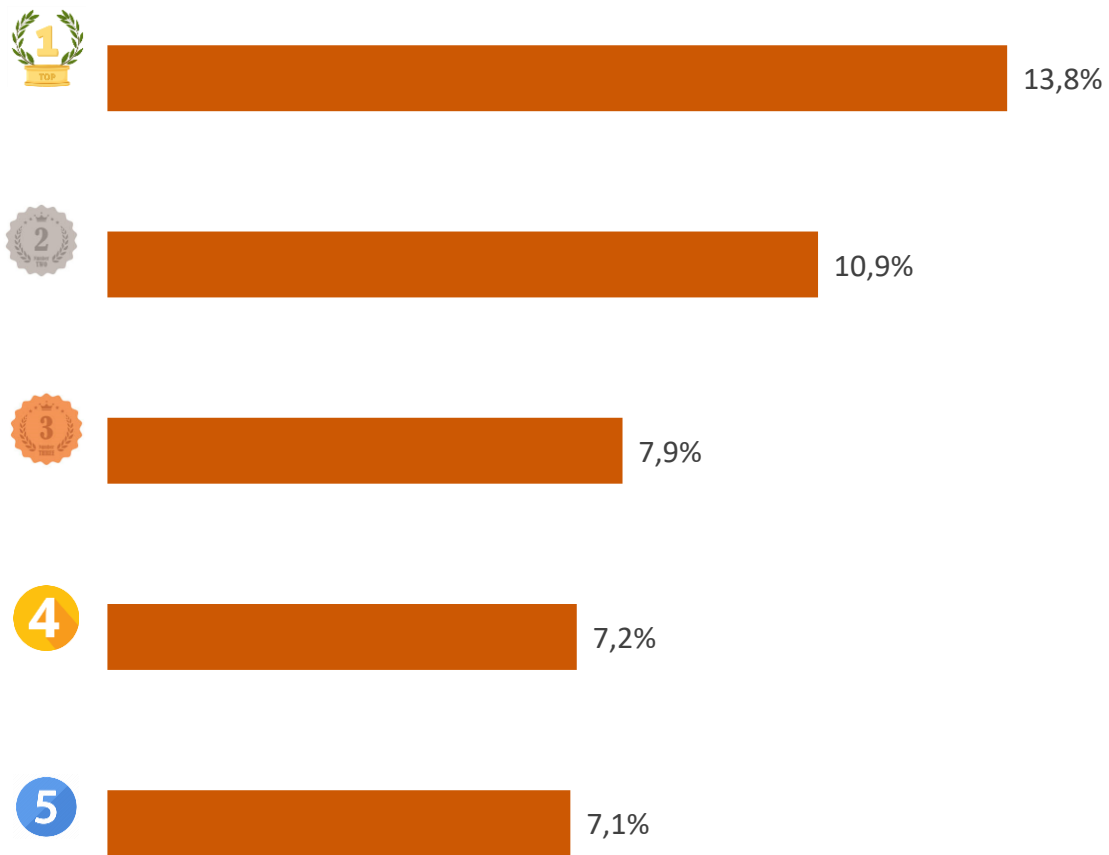
Cà phê chưa rang chưa khử cafein

Giá xuất khẩu bình quân trong T3/2026 ở mức **4.722** USD/tấn; tăng **3,6%** so với tháng trước, và giảm **20,1%** so với cùng kỳ năm 2025.

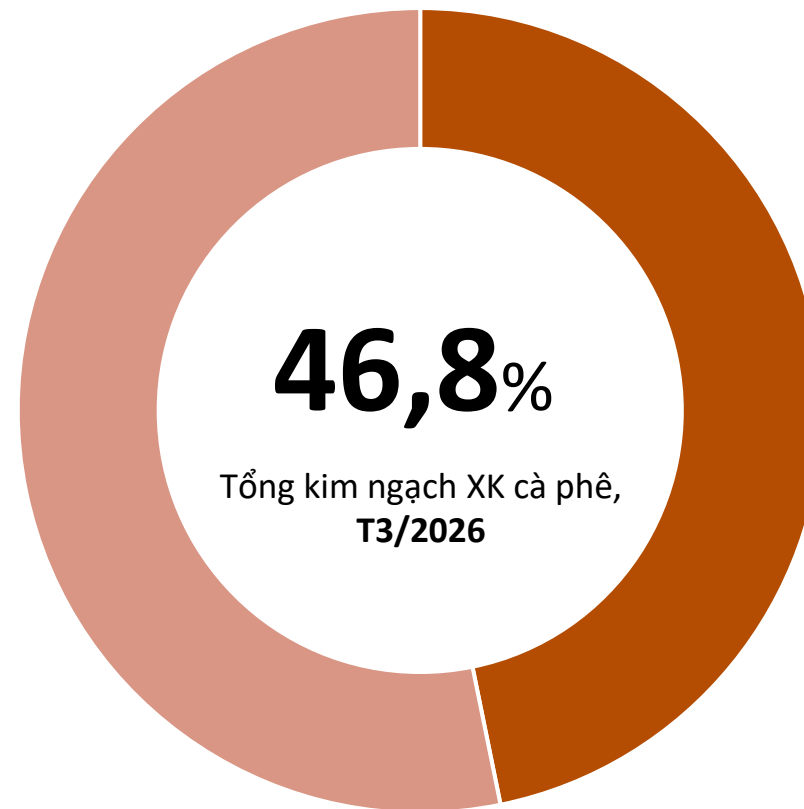


CÀ PHÊ

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Nhật Bản, T3/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường Nhật Bản, T3/2026





Nhật Bản là một trong những thị trường cà phê ổn định và khát khe nhất châu Á, với khoảng 74,3% dân số uống cà phê thường xuyên và tổng tiêu thụ năm 2025 đạt khoảng 397,3 nghìn tấn. Dự báo nhu cầu có thể tăng lên khoảng 473 nghìn tấn vào năm 2028 và gần 480 nghìn tấn vào năm 2030. Cơ cấu tiêu dùng tại Nhật Bản đang chuyển dịch theo hướng ưu tiên cà phê tiện lợi, cà phê chất lượng cao, cà phê đặc sản và cà phê khử caffeine, gắn với yêu cầu cao về sức khỏe, hương vị tinh tế, truy xuất nguồn gốc, bao bì và chất lượng đồng đều.

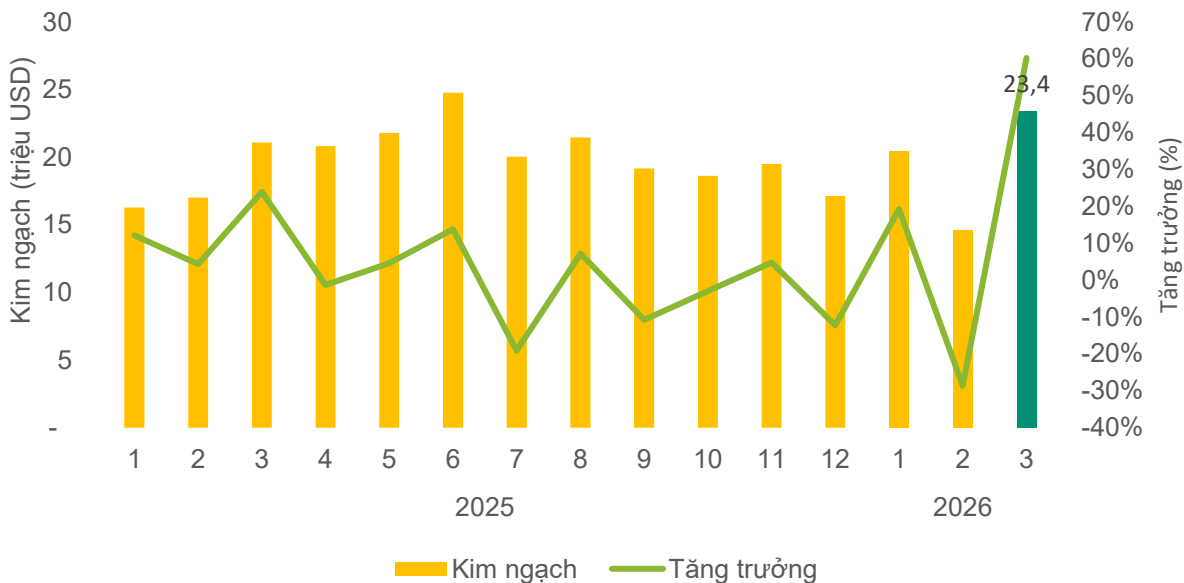
Xuất khẩu cà phê Việt Nam sang Nhật Bản trong 2 tháng đầu năm 2026 vẫn chủ yếu là Robusta, chiếm 63% tổng trị giá, cà phê chế biến chiếm 30,7% và Arabica chỉ đạt 6,2%. Giá xuất khẩu bình quân đạt 5.219 USD/tấn, giảm 15,3% so với cùng kỳ. Với xu hướng tiêu dùng mới tại Nhật Bản, Việt Nam vẫn có dư địa mở rộng ở các phân khúc chất lượng cao, đặc biệt là Arabica Lâm Đồng, cà phê chế biến sâu và sản phẩm có xuất xứ rõ ràng. Để khai thác hiệu quả thị trường này, doanh nghiệp cần chuyển từ cung ứng nguyên liệu sang phát triển sản phẩm có thương hiệu, phù hợp khẩu vị bản địa, đồng thời tiếp cận trực tiếp các nhà rang xay, chuỗi phân phối và hệ thống bán lẻ lớn của Nhật Bản.





RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Giá trị rau quả xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T3/2026



Kết quả xuất khẩu rau quả sang thị trường Nhật Bản, T3/2026

KIM NGẠCH

23,4
triệu USD

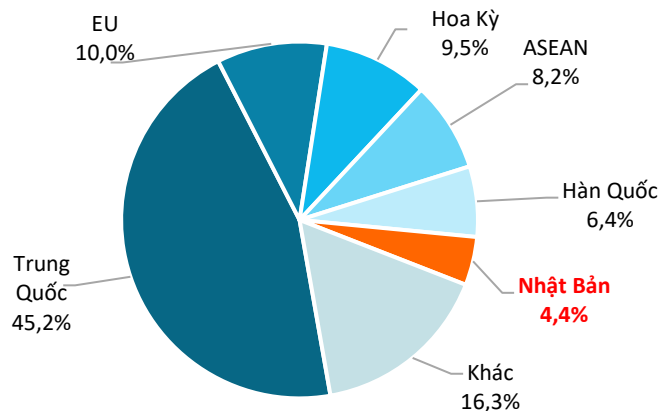
Tăng **60,3%** so với T2/2026

Tăng **10,8%** so với T3/2025

Cao hơn **3,6 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

Lũy kế 3 tháng năm 2026 đạt **58,4 triệu USD**, đạt **24,5%** kim ngạch 2025

Tỷ trọng giá trị rau quả Việt Nam sang thị trường Nhật Bản, T3/2026



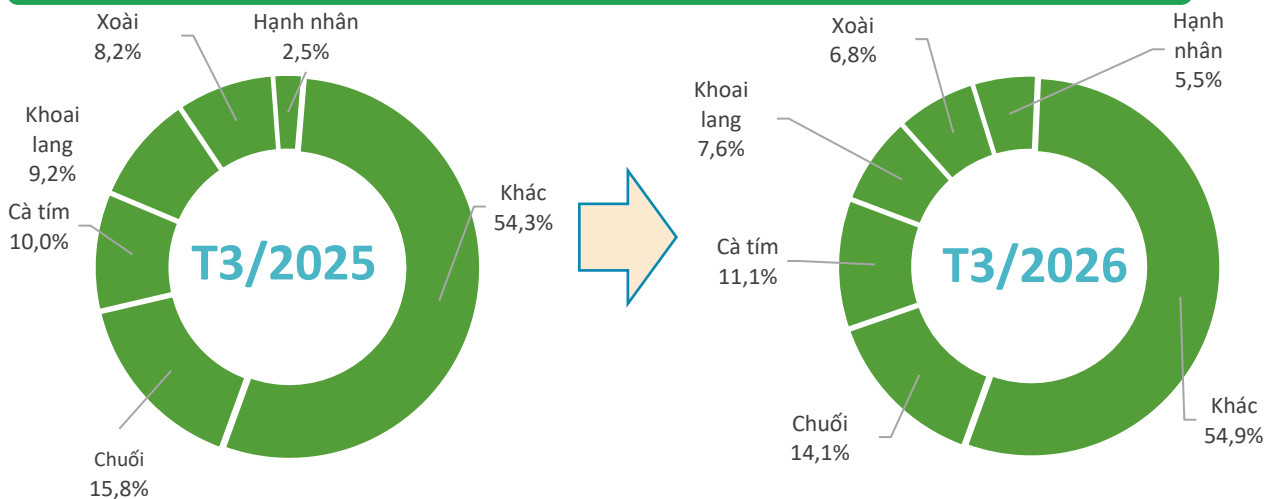
Biến động tỷ trọng giá trị rau quả XK sang thị trường Nhật Bản, T3/2026





RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T3/2026



Kết quả xuất khẩu rau quả sang thị trường Nhật Bản, T3/2026



Chuối

Kim ngạch: **3,3** triệu USD

Tăng **44,4%** so với T2/2026

Giảm **0,7%** so với T3/2025



Cà tím

Kim ngạch: **2,6** triệu USD

Tăng **101,2%** so với T2/2026

Tăng **22,7%** so với T3/2025



Khoai lang

Kim ngạch: **1,8** triệu USD

Tăng **16,2%** so với T2/2026

Giảm **8,6%** so với T3/2025



Xoài

Kim ngạch: **1,6** triệu USD

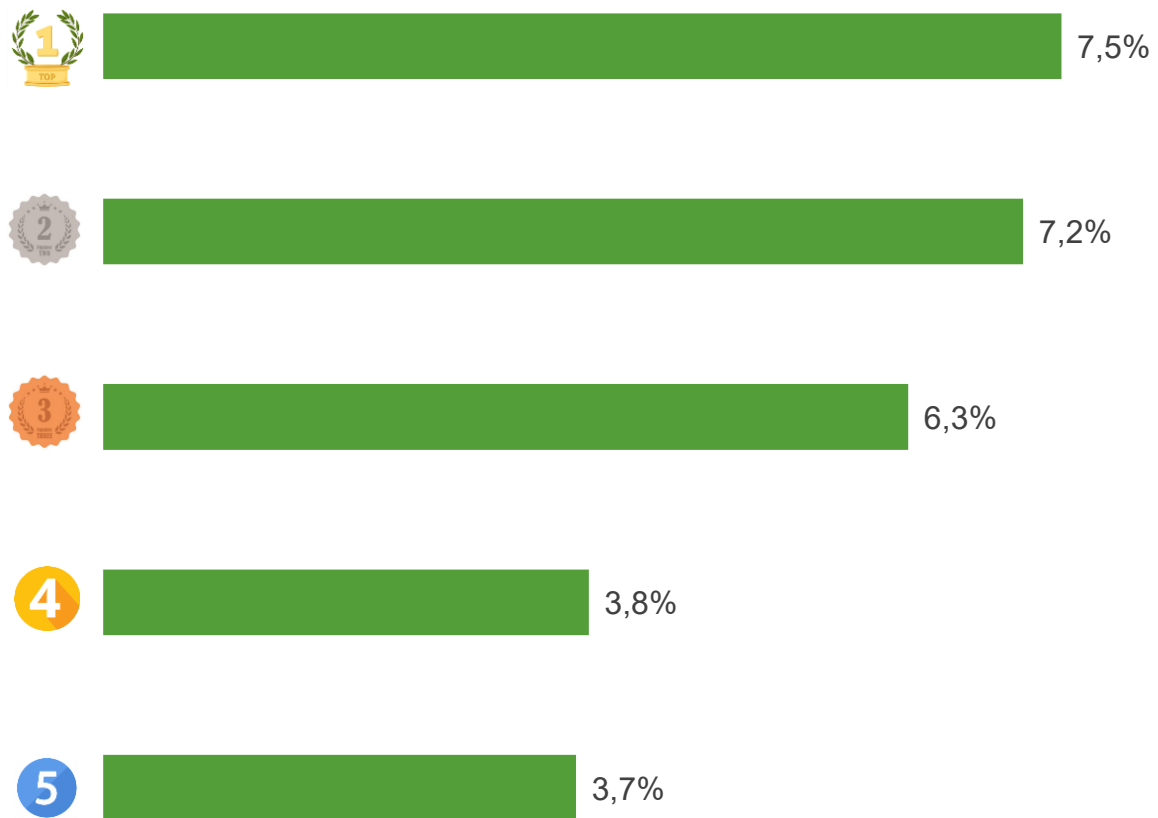
Tăng **74,7%** so với T2/2026

Giảm **8,0%** so với T3/2025

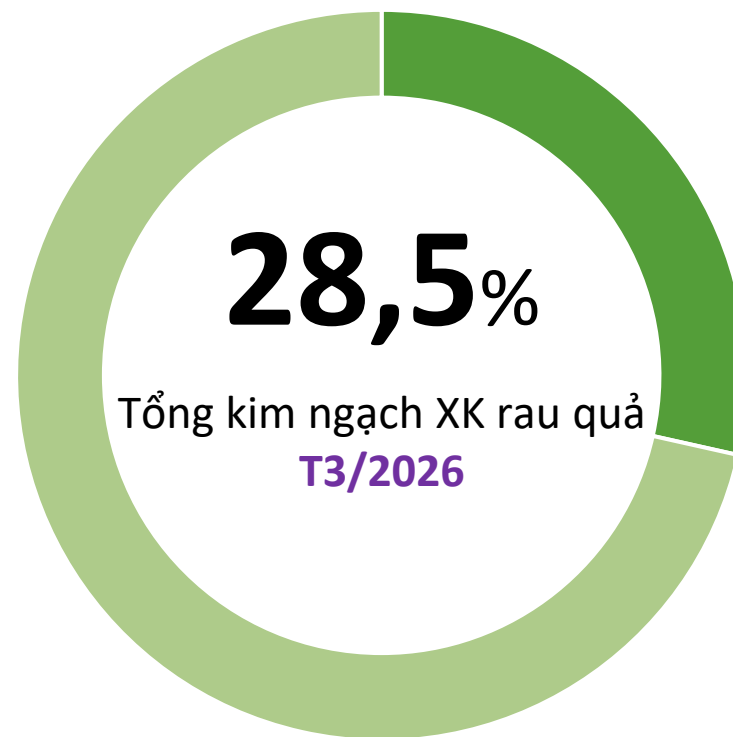


RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T3/2026



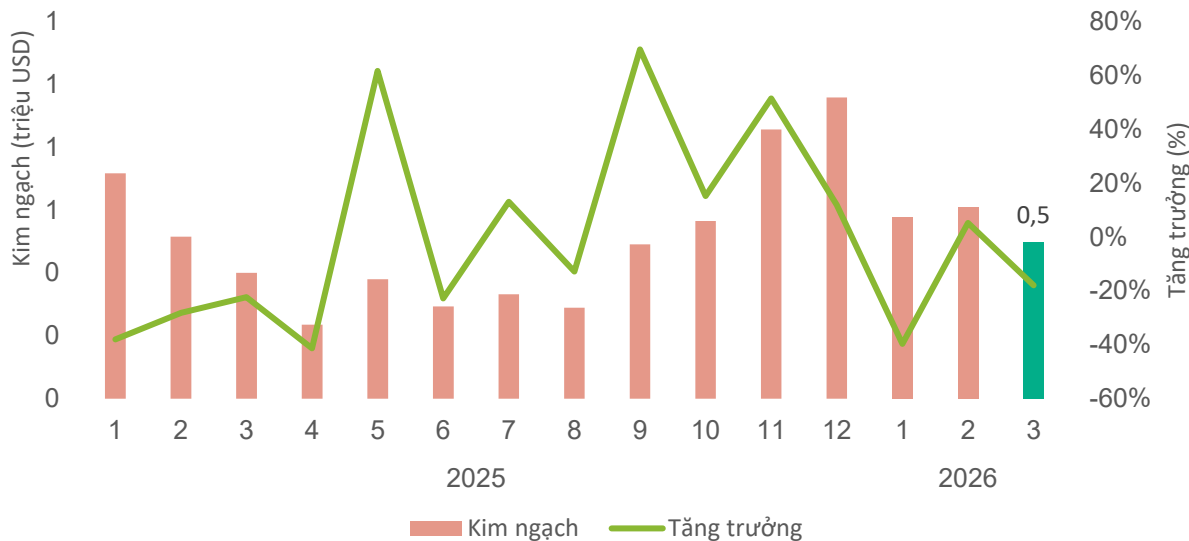
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T3/2026





RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Giá trị rau quả nhập khẩu từ thị trường Nhật Bản, T3/2026



Kết quả nhập khẩu rau quả từ thị trường Nhật Bản, T3/2026

KIM NGẠCH



0,5

triệu USD

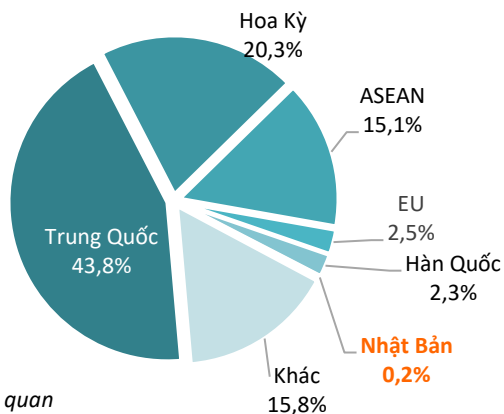
Giảm **17,9%** so với T2/2026

Tăng **24,6%** so với T3/2025

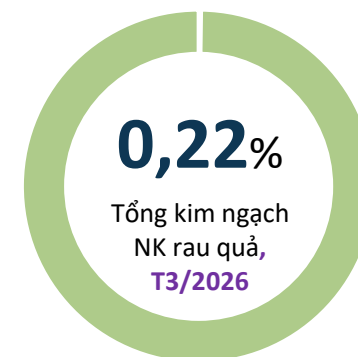
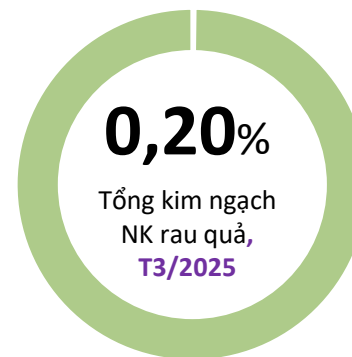
Thấp hơn **3,6 nghìn USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

Lũy kế 3 tháng năm 2026 đạt **1,7 triệu USD**, đạt **27,9%** kim ngạch 2025

Tỷ trọng giá trị rau quả Việt Nam NK từ thị trường Nhật Bản, T3/2026



Biến động tỷ trọng giá trị rau quả VN NK từ thị trường Nhật Bản, T3/2026



Rau quả

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ NHẬT BẢN



Nhật Bản tăng cường giải pháp thích ứng khi nắng nóng kỷ lục

Nhật Bản ghi nhận mùa hè 2025 nóng kỷ lục, với nhiệt độ cao hơn trung bình các năm $2,36^{\circ}\text{C}$, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp. Nhiệt độ cao làm giảm đậu quả ở táo (40–70% vùng trồng), gây chậm lên màu ở nho và quýt, đồng thời ảnh hưởng lớn đến rau như cà chua (giảm ra hoa, đậu quả) và dâu tây (chậm hình thành nụ).

Trước tình hình này, nông dân Nhật Bản đang đẩy mạnh áp dụng các giải pháp như chuyển sang giống chịu nhiệt, làm mát ban đêm, che phủ và kỹ thuật hạ nhiệt cho cây trồng. Nhật Bản cũng bắt đầu đa dạng hóa sang các cây phù hợp khí hậu ấm hơn như bơ và đậu bắp. Thích ứng với biến đổi khí hậu được xác định là ưu tiên trung tâm nhằm đảm bảo ổn định sản xuất và nguồn cung trong thời gian tới.



Tin liên quan

Nguồn: [Fructidor.com](https://www.fructidor.com)

Rau quả



ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ NHẬT BẢN

Nhật Bản cho phép nhập khẩu bơ Hass của Peru cho mùa vụ năm 2026

Nhật Bản đã phê duyệt nhập khẩu bơ Hass của Peru cho mùa vụ 2026 sau khi Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản (MAFF) kiểm tra và xác nhận hệ thống kiểm soát xuất khẩu của Peru đáp ứng yêu cầu.

Danh sách vùng trồng và nhà đóng gói đủ điều kiện xuất khẩu sang Nhật đã được công bố, đảm bảo chương trình tiếp tục vận hành ổn định. Năm 2026, Peru dự kiến xuất khẩu hơn 765.000 tấn bơ Hass (tăng 6% so với 2025), trong đó châu Âu chiếm khoảng 64%, Hoa Kỳ khoảng 107.000 tấn và châu Á khoảng 82.000 tấn, với nhu cầu tại khu vực này dự báo tiếp tục tăng.

Nguồn: [Fructidor.com](https://www.fructidor.com)

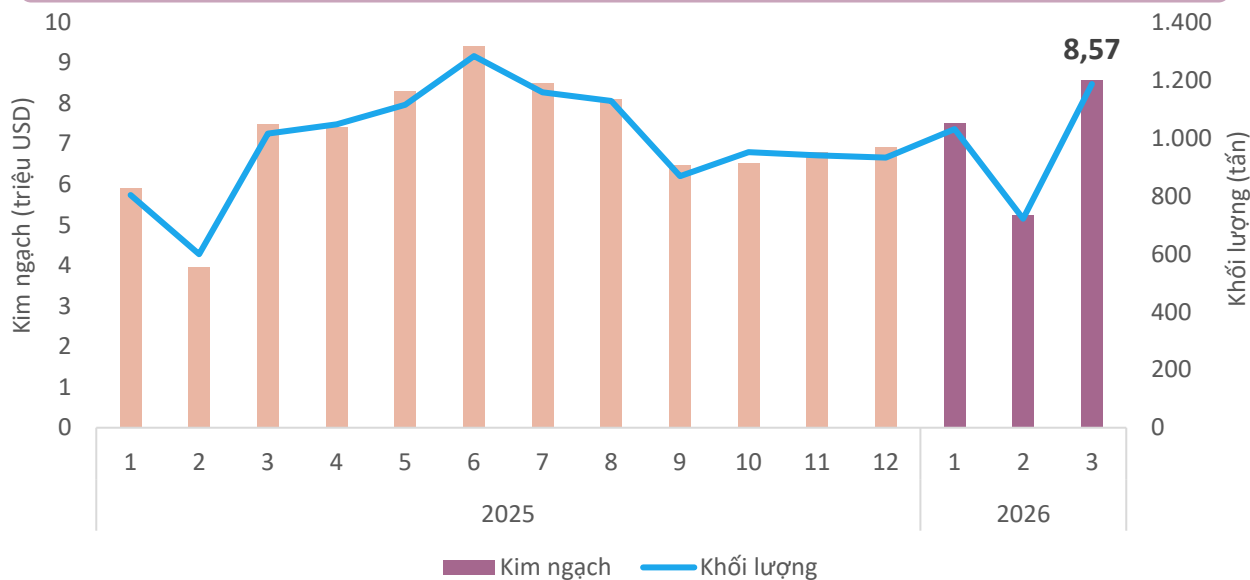


Tin liên quan



HẠT ĐIỀU

Khối lượng và giá trị hạt điều xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T3/2026



Kết quả xuất khẩu hạt điều sang thị trường Nhật Bản, T3/2026

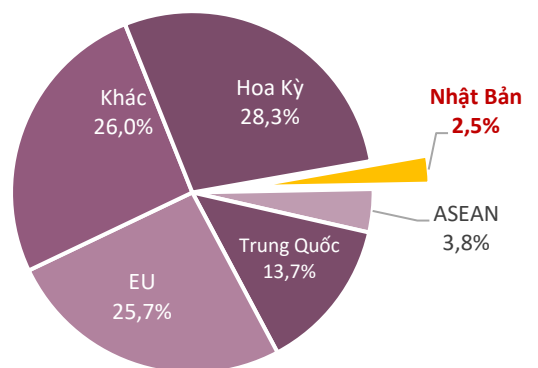
KIM NGẠCH
8,57 triệu USD

- ↗ Tăng **63,6%** so với T02/2026
- ↗ Tăng **14,4%** so với T3/2025
- ↑ Cao hơn **1,43 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025
- ❖ Lũy kế 3 tháng năm đầu 2026 đạt **21 triệu USD**, đạt **25%** kim ngạch năm 2025

KHỐI LƯỢNG
1.187 tấn

- ↗ Tăng **64,4%** so với T02/2026
- ↗ Tăng **17,0%** so với T3/2025
- ↑ Cao hơn **200 tấn** so với bình quân theo tháng năm 2025
- ❖ Lũy kế 3 tháng năm đầu 2026 đạt **2,9 nghìn tấn**, đạt **25%** khối lượng năm 2025

Tỷ trọng giá trị hạt điều của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản, T3/2026



Biến động tỷ trọng giá trị hạt điều của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản, T3/2026

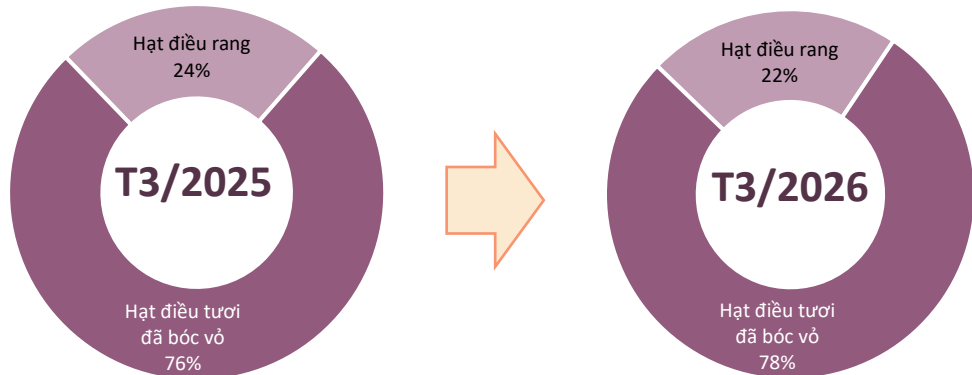


Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

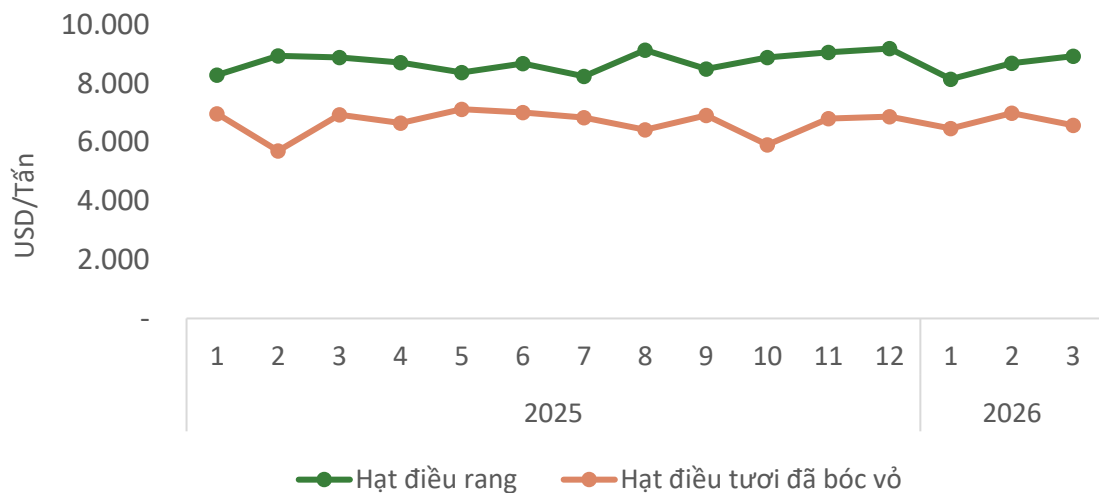


HẠT ĐIỀU

Cơ cấu chủng loại hạt điều xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T3/2026



Giá hạt điều xuất khẩu bình quân sang thị trường Nhật Bản, T3/2026



Kết quả xuất khẩu hạt điều sang thị trường Nhật Bản, T3/2026



Hạt điều tươi đã bóc vỏ

Kim ngạch: **6,67** triệu USD

Tăng **66,8%** so với T02/2026

Tăng **21,8%** so với T3/2025



Hạt điều rang

Kim ngạch: **1,90** triệu USD

Tăng **53,3%** so với T02/2026

Giảm **5,9%** so với T3/2025

Hạt điều tươi đã bóc vỏ

Giá xuất khẩu bình quân trong T3/2026 ở mức **6.564** USD/tấn; giảm **5,9%** so với tháng trước; và giảm **5,2%** so với cùng kỳ năm 2025.

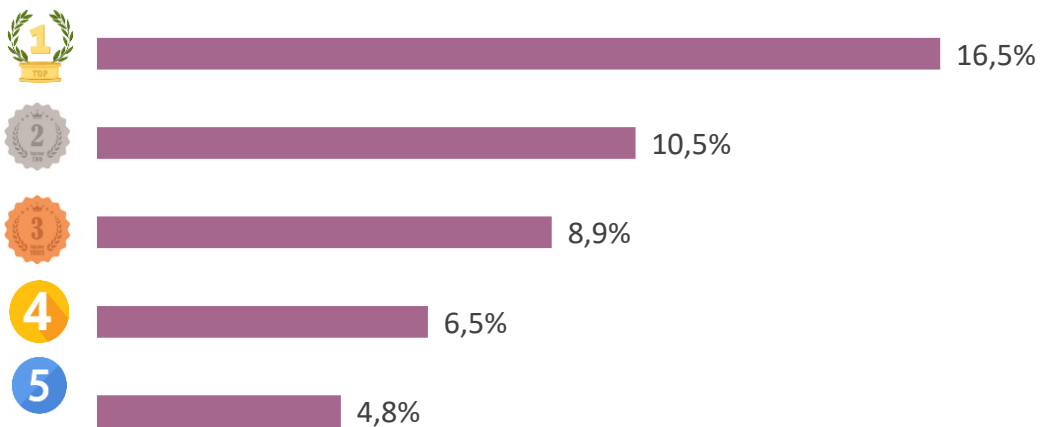
Hạt điều rang

Giá xuất khẩu bình quân trong T3/2026 ở mức **8.922** USD/tấn; tăng **2,8%** so với tháng trước; và tăng **0,5%** so với cùng kỳ năm 2025.

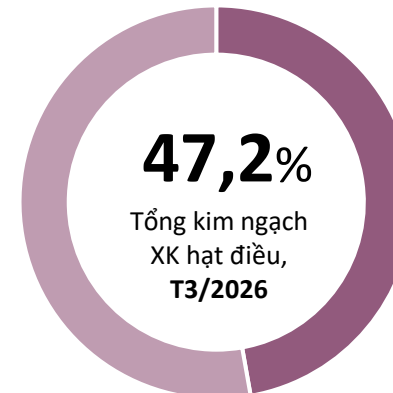


HẠT ĐIỀU

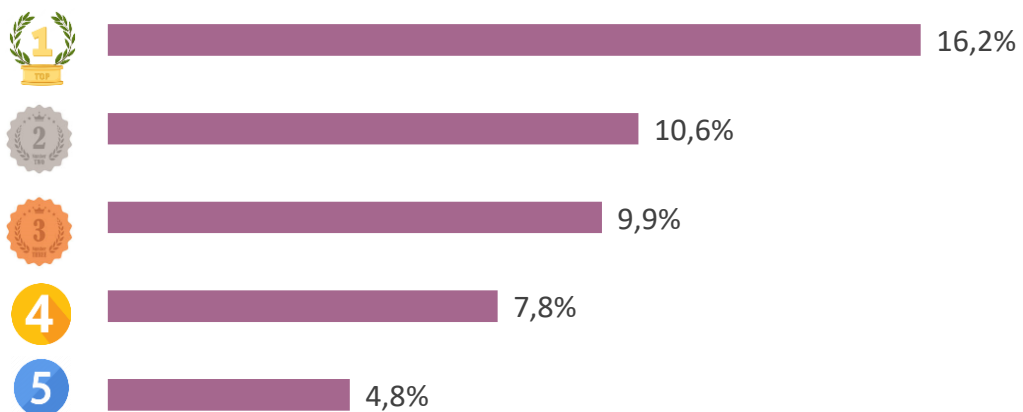
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T3/2026



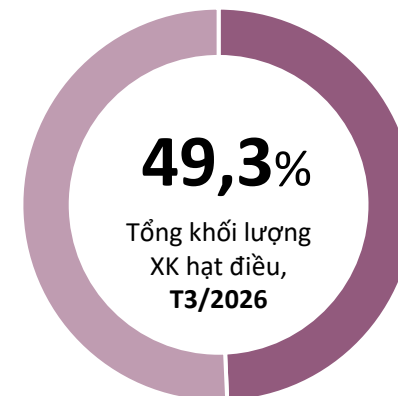
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T3/2026



TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T3/2026



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T3/2026



Nhật Bản phát triển phương pháp kiểm tra hạt điều trong thực phẩm chế biến



House Foods Group của Nhật Bản đã phát triển hai phương pháp mới để kiểm tra sự có mặt của hạt điều trong thực phẩm chế biến. Hai phương pháp này gồm PCR định tính thời gian thực và LC-MS/MS định tính, được đưa ra sau khi Nhật Bản bổ sung hạt điều vào nhóm nguyên liệu gây dị ứng bắt buộc phải ghi trên nhãn từ tháng 4/2026.

Đáng chú ý, đây là lần đầu phương pháp LC-MS/MS, trong đó có kỹ thuật phát hiện hạt điều, được đưa vào hướng dẫn kiểm tra thực phẩm chứa chất gây dị ứng của Cơ quan Người tiêu dùng Nhật Bản. Các công nghệ này sẽ được Công ty Fasmac thương mại hóa dưới dạng bộ kit kiểm tra. Riêng bộ kit PCR phát hiện hạt điều đã được bán từ ngày 5/3/2026, trước thời điểm quy định ghi nhãn bắt buộc chính thức có hiệu lực.

Việc phát triển phương pháp kiểm tra hạt điều cho thấy Nhật Bản đang siết chặt hơn công tác quản lý an toàn thực phẩm. Đồng thời, quy định này cũng giúp thông tin về chất gây dị ứng trên nhãn hàng rõ ràng hơn, hỗ trợ người tiêu dùng lựa chọn thực phẩm an toàn.

Nguồn: gourmetpress.net





HỒ TIÊU

Khối lượng và giá trị hồ tiêu xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T3/2026



Kết quả xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Nhật Bản, T3/2026

KIM NGẠCH

2,9 triệu USD

Tăng **121,7%** so với T2/2026

Tăng **2%** so với T3/2025

Cao hơn **689,97** nghìn USD so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 3 tháng đầu năm 2026 đạt 5,6 triệu USD, đạt **21%** kim ngạch 2025

KHỐI LƯỢNG

432 tấn

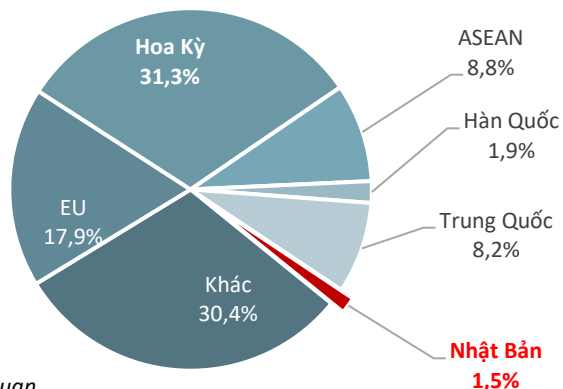
Tăng **127,4%** so với T2/2026

Giảm **3%** so với T3/2025

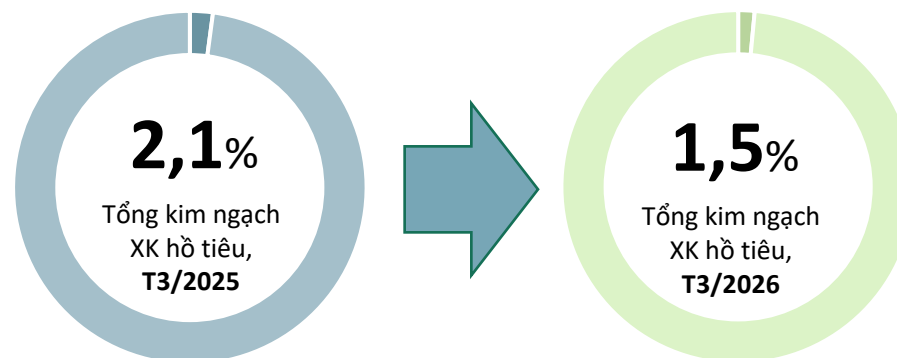
Cao hơn **53** tấn so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 3 tháng đầu năm 2026 đạt 827 tấn, đạt **31%** khối lượng năm 2025

Tỷ trọng giá trị hồ tiêu của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản, T3/2026



Biến động tỷ trọng giá trị hồ tiêu của VN sang thị trường Nhật Bản, T3/2026

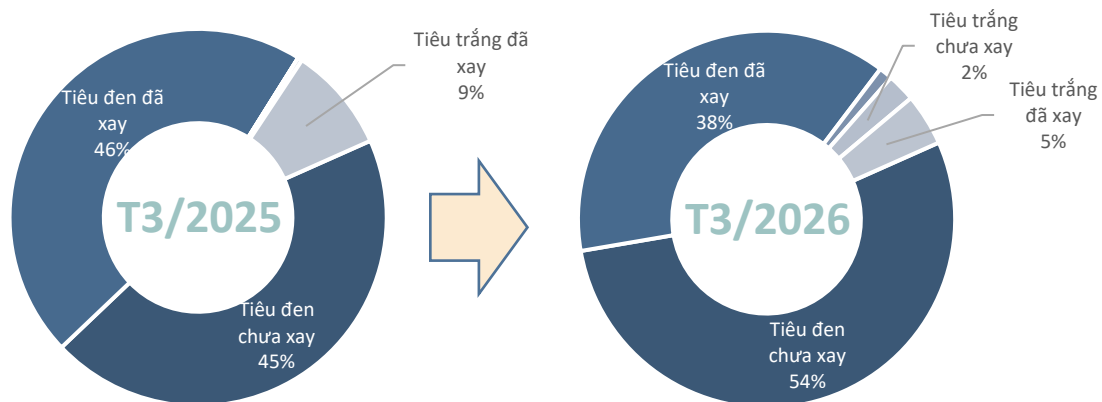


Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan



HỒ TIÊU

Cơ cấu chủng loại hồ tiêu xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T3/2026



Kết quả xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Nhật Bản, T3/2026



Tiêu đen chưa xay

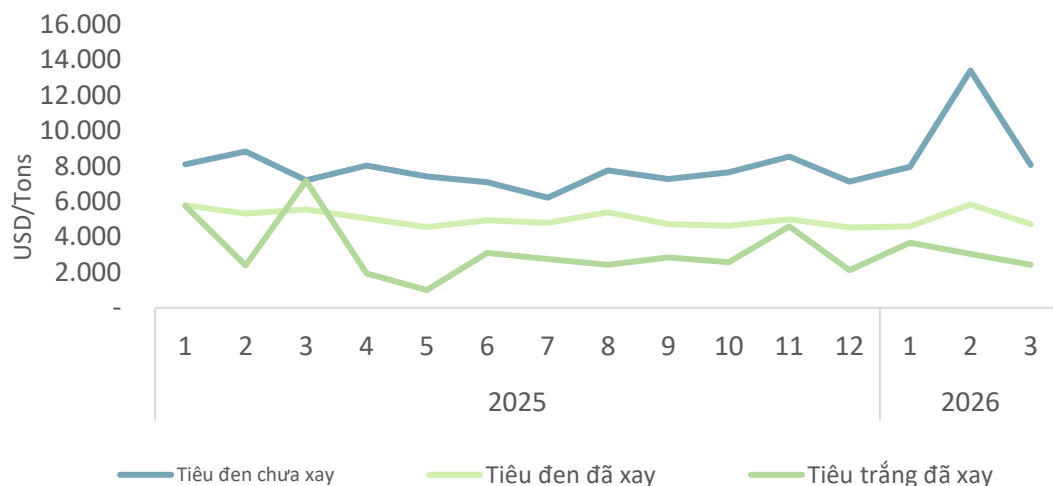
Kim ngạch: **1,59** triệu USD
 Tăng **488%** so với T2/2026
 Tăng **23%** so với T3/2025



Tiêu đen đã xay

Kim ngạch: **1,12** triệu USD
 Tăng **111%** so với T2/2026
 Giảm **16%** so với T3/2025

Giá hồ tiêu xuất khẩu bình quân sang thị trường Nhật Bản, T3/2026



Tiêu đen chưa xay

Giá xuất khẩu bình quân trong T3/2026 ở mức **8.060** USD/tấn; **giảm 39,8%** so với tháng trước; và **tăng 11,9%** so với cùng kỳ năm 2025.

Tiêu đen đã xay

Giá xuất khẩu bình quân trong T3/2026 ở mức **4.728** USD/tấn; **giảm 19%** so với tháng trước; và **giảm 15%** so với cùng kỳ năm 2025.

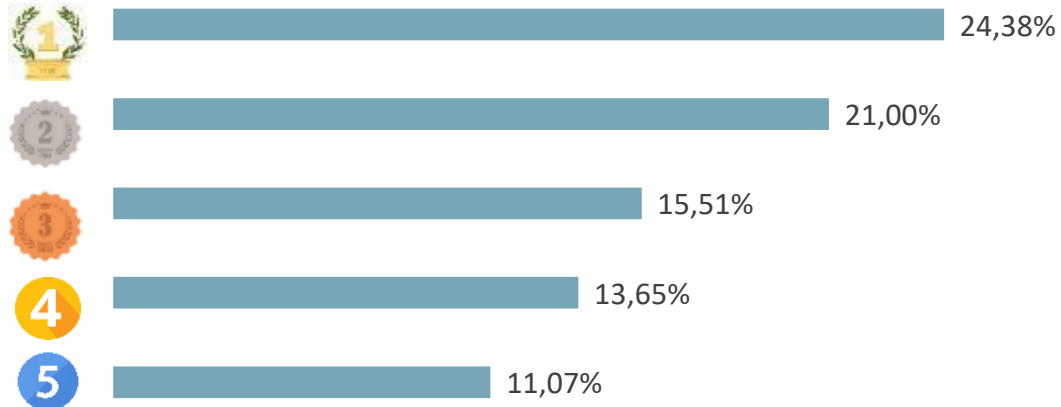
Tiêu trắng đã xay

Giá xuất khẩu bình quân trong T3/2026 ở mức **2.428** USD/tấn; **giảm 20%** so với tháng trước; và **giảm 66,1%** so với cùng kỳ năm 2025.

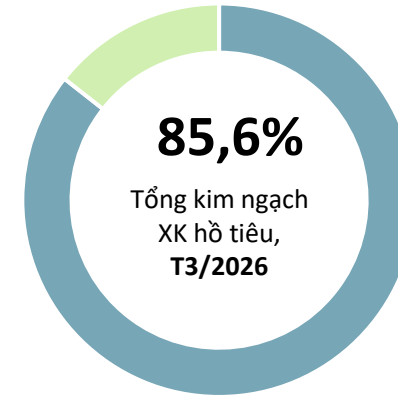


HỒ TIÊU

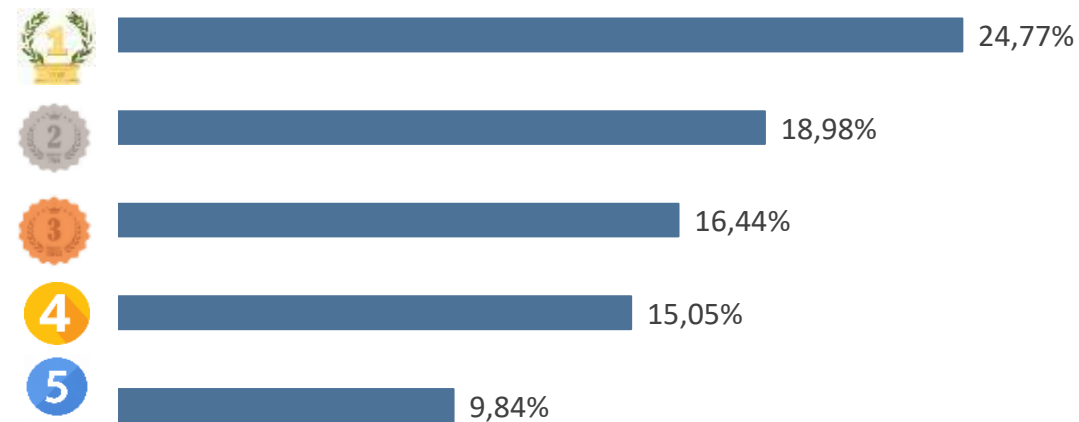
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu thị trường Nhật Bản, T3/2026



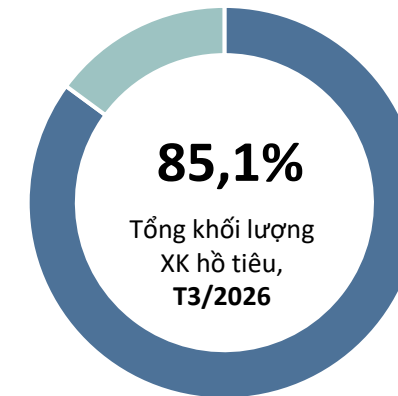
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu thị trường Nhật Bản, T3/2026



TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu thị trường Nhật Bản, T3/2026



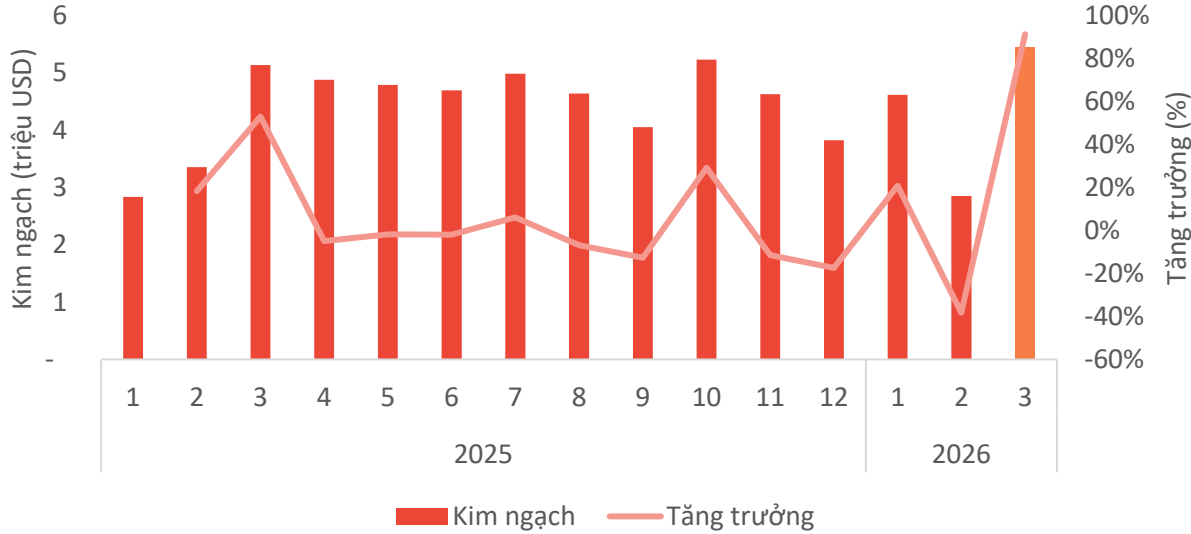
Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu thị trường Nhật Bản, T3/2026





THỊT VÀ SP TỪ THỊT (XK)

Giá trị xuất khẩu thịt và SP từ thịt sang thị trường Nhật Bản, T3/2026



Kết quả xuất khẩu thịt và SP từ thịt sang thị trường Nhật Bản, T3/2026

KIM NGẠCH



Tăng **91,3%** so với T2/2026

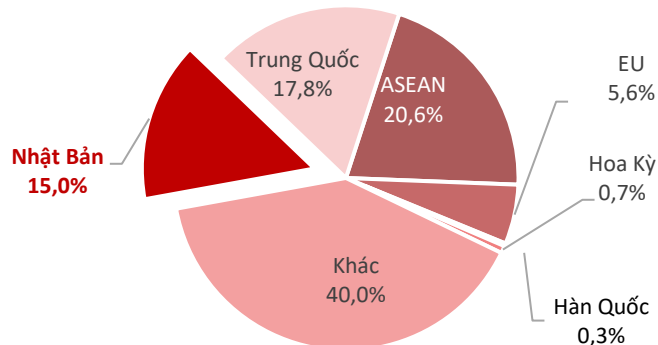
Tăng **6,3%** so với T3/2025

5,46
triệu USD

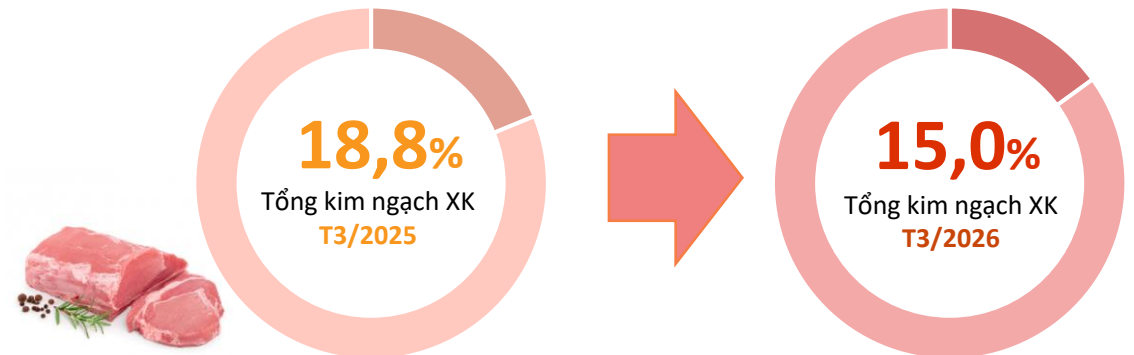
Cao hơn **1,03 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

♦ 3 tháng đầu năm 2026 đạt **12,9 triệu USD**, đạt **14,1%** kim ngạch năm 2025

Tỷ trọng giá trị XK thịt và SP từ thịt của VN sang thị trường Nhật Bản, T3/2026



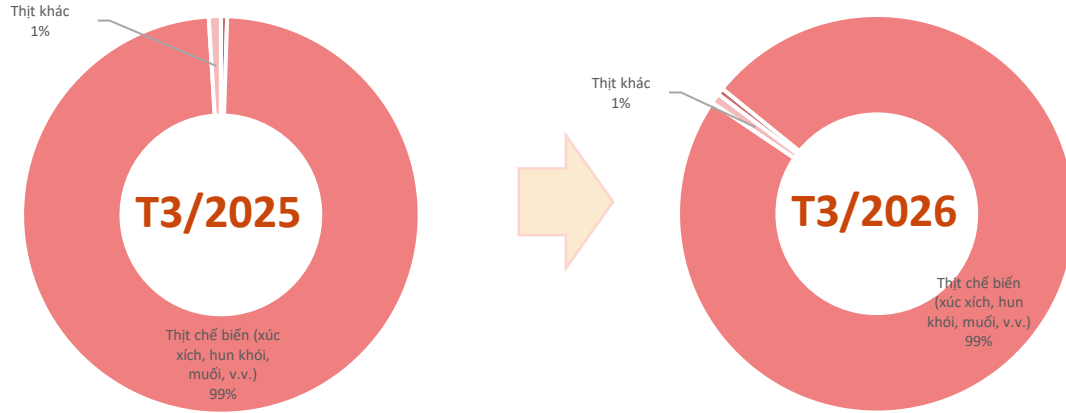
Biến động tỷ trọng giá trị thịt & SP từ thịt của VN sang thị trường Nhật Bản, T3/2026





THỊT VÀ SP TỪ THỊT (XK)

Cơ cấu chủng loại thịt và SP từ thịt xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T3/2026



Kết quả xuất khẩu thịt và SP từ thịt sang thị trường Nhật Bản, T3/2026



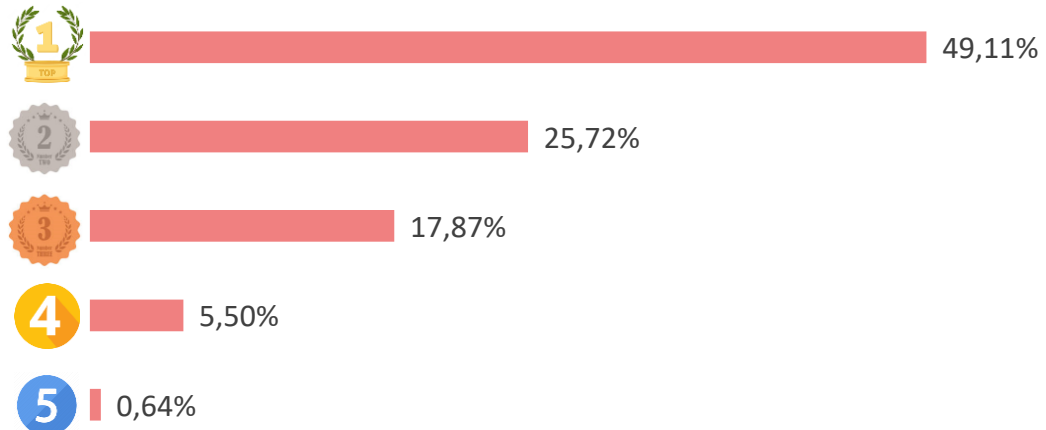
Thịt chế biến (xúc xích, hun khói, muối,...)

Kim ngạch: **2,8** triệu USD

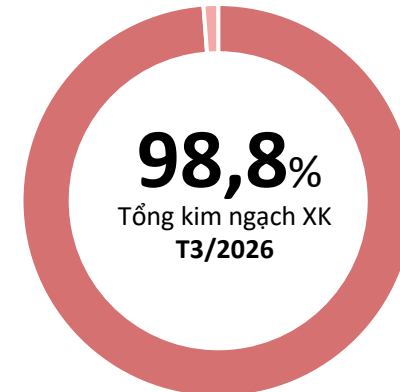
Giảm **32,4%** so với T2/2026

Giảm **14,9%** so với T3/2025

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu thịt và SP từ thịt lớn nhất sang thị trường Nhật Bản, T3/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Nhật Bản, T3/2026





THỊT VÀ SP TỪ THỊT

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG THỊT VÀ SP TỪ THỊT NHẬT BẢN



Nhật Bản dự kiến tăng nhập khẩu thịt bò từ Ba Lan sau thỏa thuận mới, trong đó dỡ bỏ hạn chế độ tuổi gia súc và mở cửa cho các sản phẩm thịt bò chế biến - những mặt hàng trước đây chưa được phép xuất khẩu.

Đồng thời, thỏa thuận cũng tạo điều kiện cho xuất khẩu gia cầm của Ba Lan sang Nhật Bản. Động thái này không chỉ giúp Ba Lan mở rộng thị phần tại thị trường Nhật Bản, mà còn cho thấy xu hướng Nhật Bản đa dạng hóa nguồn cung thịt nhập khẩu và tăng cường hợp tác thương mại nông sản với châu Âu.

Nguồn: tvpworld.com



Tin liên quan



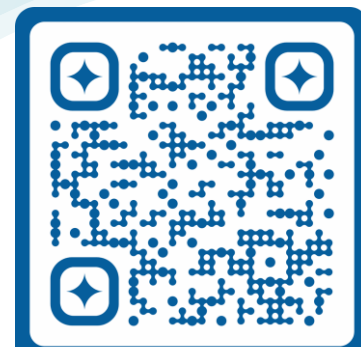
Ý kiến góp ý, xin vui lòng gửi đến:

TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: *Số 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội*

Email: thongtinhitruong@ipsard.gov.vn; info@agro.gov.vn

Website: <http://agro.gov.vn/>



Xem thêm báo cáo